

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ D  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 28- 09- 2022.  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Ngọc Quân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hồ Tấn Lộc;  
2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố D tham gia phiên tòa:***  
Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 458/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/9/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc K, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

*Bị đơn:* Ông Trần Thanh P, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc K, trình bày:***

***Về quan hệ hôn nhân:*** Sau thời gian tìm hiểu, Tôi và ông Trần Thanh P tự nguyện chung sống từ năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, theo giấy chứng nhận kết hôn số 42/2013, quyền số 07/2012 ngày 19/06/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và không có tiếng nói chung. Vợ chồng tôi đã cố gắng hòa giải mâu thuẫn và nỗ lực hàn gắn tình cảm nhưng mâu

thuần giữa vợ chồng tôi vẫn không có tiếng nói chung. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng, nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố D giải quyết ly hôn với ông Trần Thanh P.

*Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 02 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 25/07/2015 và Trần Ngọc An N, sinh năm 07/07/2020. Sau khi ly hôn, yêu cầu được nuôi 01 con chung tên Trần Ngọc An N, sinh năm 07/07/2020 và đồng ý giao con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 25/07/2015 cho ông Trần Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung):* Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Trần Thanh P:* Căn cứ lời trình bày và yêu cầu trong quá trình tham gia tố tụng, xác định:

*Về quan hệ hôn nhân:* Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, về điều kiện kết hôn, về thời gian chung sống.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời kỳ hôn nhân; Mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tôi cũng đã nỗ lực hàn gắn tình cảm. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng không lớn, tình cảm vẫn còn với vợ và không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn chị K.

*Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 02 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 25/07/2015 và Trần Ngọc An N, sinh năm 07/07/2020. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn về con yêu cầu được nuôi 01 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 25/07/2015 và đồng ý giao con chung tên Trần Ngọc An N, sinh năm 07/07/2020 cho bà Trần Thị Ngọc K trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung):* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố D tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà K và ông P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, bà K làm đơn yêu cầu ly hôn với ông P là có căn cứ chấp nhận. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày

25/07/2015 và Trần Ngọc An N, sinh năm 07/07/2020. Sau khi ly hôn, bà K yêu cầu được nuôi 01 con chung tên Trần Ngọc An N, sinh năm 07/07/2020 và đồng ý giao con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 25/07/2015 cho ông Trần Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về con chung ông P thống nhất với yêu cầu của bà K và đồng ý nuôi dưỡng con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 25/07/2015, hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công khai tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Thành phố D nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc K, bị đơn ông Trần Thanh P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bà K và ông P.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị Ngọc K và ông Trần Thanh P có Giấy chứng nhận kết hôn số 142/2013, quyền số 07/2012 ngày 19/06/2013 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông P là hợp pháp.

[3] *Về nội dung yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc K*: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông Trần Thanh P, có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đã nhiều lần vợ chồng nói chuyện nhưng không thể giải quyết được mâu thuẫn; hiện vợ chồng đã sống ly thân. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc nguyên đơn, bị đơn đã sống ly thân không quan tâm đến nhau cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận.

[4] *Về con chung, vợ chồng có 02 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 25/07/2015 và Trần Ngọc An N, sinh năm 07/07/2020. Sau khi ly hôn, bà K yêu cầu được nuôi 01 con chung tên Trần Ngọc An N, sinh năm 07/07/2020 và đồng ý giao con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 25/07/2015 cho ông Trần Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.*

[5] *Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Bà K, ông P không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] *Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố D là phù hợp với quy định của pháp luật.*

[7] *Về án phí Hôn nhân sơ thẩm*: Bà K chịu án phí ly hôn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc K đối với bị đơn ông Trần Thanh P.*

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc K được ly hôn với ông Trần Thanh P (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 142/2013, quyền số 07/2012 ngày 19/06/2013 tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố D, tỉnh Bình Dương, cấp).

1.2 Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Tiếp tục giao con chung tên Trần Ngọc An N, sinh năm 07/07/2020 cho bà Trần Thị Ngọc K nuôi dưỡng và ông Trần Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 25/07/2015; bà Trần Thị Ngọc K và ông Trần Thanh P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn bà Trần Thị Ngọc K và ông Trần Thanh P đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bà K, ông P phải tạo điều kiện cho nhau trong việc thăm nom, chăm sóc con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trần Thị Ngọc K và ông Trần Thanh P không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

*2. Về án phí*: Bà Trần Thị Ngọc K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0004090 ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Đương sự (2);
- VKSND TP D (1);
- CC THADS TP D (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND phường Dĩ An, tp D (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Ngọc Quân**

